

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1319 /NMĐTB2-TM

Hưng Yên, ngày 21 tháng 7 năm 2026

V/v đề nghị cung cấp báo giá mua sắm trang
thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ quản lý -
NMNĐ Thái Bình 2.

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (Nhà máy) đang có nhu cầu mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ quản lý - NMNĐ Thái Bình 2. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp các hàng hóa tương tự. Nhà máy đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung cụ thể như sau:

- Phạm vi công việc: Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm;
- Thời gian và thời điểm hoàn thành cung cấp toàn bộ hàng hóa: 45 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực (dự kiến hoàn thành cung cấp trong quý III/2026).
- Địa điểm giao hàng và thực hiện công việc: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.
- Hiệu lực báo giá: **90 ngày kể từ ngày báo giá.**
- Thời gian gửi báo giá: Trước 8 giờ 00 phút ngày 03/8/2026.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua các email: minhhtc@pvpgb.vn, vanthutb2@pvpgb.vn, nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.
- Thông tin liên hệ:
 - + Người nhận: Trần Công Minh- Phòng Thương mại;
 - + Địa chỉ: Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên;
 - + Số điện thoại liên hệ: 0979.431.697;

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- GĐ NM (để b/c);
- Phòng: TCHC (để p/h);
- Lưu: VT, TM (T.C.M: b).

Đính kèm:

- Phụ lục 01: Phạm vi công việc mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ quản lý - NMNĐ Thái Bình 2.

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Văn Ngọc

Xã Đông Thái Ninh – tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 2463/CV-PTM/2026



Phụ lục 01: Mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ quản lý - NMND Thái Bình 2

STT	Tên hàng hóa/ dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số
I	Công cụ dụng cụ			
1	Két sắt điện tử	Cái	1	Két sắt điện tử văn phòng, vỏ thép chống cháy/chống phá; Dung tích trong ≥ 50 lít; Kích thước ngoài (CxRxS) tối thiểu khoảng 600x430x390mm ($\pm 10\%$); Hình thức mở khóa đa lớp: vân tay + mã số điện tử (bàn phím) + chìa cơ dự phòng; Có còi báo động khi mở sai nhiều lần, pin báo yếu;
2	Đồng hồ treo tường	Cái	3	Đồng hồ treo tường mặt tròn, mặt kính tráng gương (cường lực/chống xước); Cơ cấu kim trôi (sweep) chạy êm, không tiếng tích tắc; Đường kính mặt ≥ 30 cm; Khung viền kim loại/nhựa cao cấp chắc chắn; mặt số rõ ràng, dễ đọc; Cơ cấu máy quartz, dùng pin tiểu (AA/AA), độ chính xác cao;
3	Tủ lạnh	Cái	3	Tủ lạnh 2 cửa, ngăn đá dưới; Dung tích sử dụng ≥ 280 lít; Công nghệ máy nén Inverter; Công nghệ làm lạnh đa chiều;
4	Tủ Để Giày	Cái	4	Tủ để giày khung kết cấu chắc chắn, có 1 khoang cánh lùa; Bên trong tối thiểu 1 đợt/khay sắt 2 tầng để giày dép; Nóc tủ bọc đệm mút PVC (có thể ngò); Kích thước tối thiểu (RxSxC) khoảng 1100 x 370 x 450 mm; Bề mặt sơn tĩnh điện/phủ chống gỉ, chống xước; chân đế chống ẩm;
5	Đèn bàn làm việc	Cái	3	Công suất ≥ 20 W; Độ sáng ≥ 700 lumen; Chỉ số hoàn màu CRI ≥ 90 ; 3 chế độ màu ánh sáng: 3000K / 4000K / 5000K; Điều chỉnh độ sáng dạng cảm ứng (nhiều mức); Chống chói, đạt mức an toàn quang sinh học RG0; tiêu chuẩn chống nhấp nháy (JIS AA hoặc tương đương); Chất liệu thân nhôm + ABS.

6	Máy in tem nhãn QR code + Đề can + mực in resin	Cái	1	Máy in tem nhãn mã vạch/QR công nghệ in truyền nhiệt gián tiếp (thermal transfer); Độ phân giải ≥ 300 dpi; Tốc độ in ≥ 100 mm/s; Khổ in (chiều rộng) tối thiểu ≥ 100 mm; Đường kính cuộn ribbon/decals phù hợp in liên tục số lượng lớn; Tương thích in tem QR code, hỗ trợ ngôn ngữ in TSPL/ZPL/EPL; Đề can (decal): Xi bạc PET (chống xước, chịu nhiệt, bền ngoài trời); Mực in (ribbon): Resin (độ bền cao, chống cồn/hóa chất/mài mòn);
7	Thang gấp chữ A 8 Bậc	Cái	1	Thang nhôm gấp chữ A, 8 bậc; Chất liệu: hợp kim nhôm cao cấp, dày dặn, chống gỉ; Chiều cao sử dụng (dạng chữ A) tối thiểu $\geq 2,3$ m; Tải trọng tối đa ≥ 150 kg; Bậc thang bản rộng chống trượt, có khớp khóa an toàn khi mở; Chân thang bọc cao su chống trượt
8	Thang nhôm chữ A phổ thông có mâm	Cái	1	Thang nhôm chữ A phổ thông có mâm (bàn thao tác) đứng; Chất liệu: hợp kim nhôm cao cấp, chống gỉ, chắc chắn; Chiều cao tổng (đuôi thẳng) $\geq 3,0$ m; chiều cao sử dụng dạng chữ A $\geq 1,4$ m; Tải trọng tối đa ≥ 150 kg; Có mâm/khay đặt dụng cụ phía trên; thanh giằng/khóa an toàn; Bậc thang bản rộng chống trượt; chân bọc cao su chống trượt;
9	Giá kệ thép	Bộ	20	Kích thước mỗi bộ tối thiểu (CxRxS) 2000x1000x400mm (dung sai $\pm 10\%$); Số tầng ≥ 4 tầng, tải trọng ≥ 100 kg/tầng; Chất liệu: thép sơn tĩnh điện chống gỉ, lắp ghép bằng bu lông/cài lỗ;
10	Tủ đựng hồ sơ, tài liệu 3 cánh	Cái	17	Tủ tài liệu chất liệu gỗ công nghiệp (cốt MFC/MDF phủ Melamine hoặc tương đương); Kích thước tối thiểu (RxSxC) 1200x400x2000mm (dung sai $\pm 10\%$); Kết cấu nhiều khoang: khoang cánh kính phía trên, khoang cánh gỗ có khóa phía dưới; Tay nắm kim loại, có khóa an toàn;

11	Quạt cây	Cái	4	Quạt cây (quạt đứng) dân dụng; Đường kính cánh ≥ 40 cm; Số cánh ≥ 3 cánh; Công suất ≥ 50 W; Tối thiểu 3 cấp độ gió; Điều khiển: nút nhấn và/hoặc remote; Điều chỉnh độ cao, có chức năng tước-năng (xoay); Điện áp 220V/50Hz
12	Quạt treo tường	Cái	6	Quạt treo tường dân dụng/công nghiệp; Đường kính cánh ≥ 40 cm; Công suất ≥ 50 W; Tối thiểu 3 cấp độ gió; điều khiển dây kéo hoặc remote; Góc xoay/đảo gió linh hoạt; Điện áp 220V/50Hz
13	Bộ dụng cụ sửa chữa điện	Bộ	2	Bộ dụng cụ sửa chữa điện ≥ 32 chi tiết, gồm tối thiểu: đồng hồ vạn năng, bộ khóa lục giác, bộ tua vít đầu dẹp, búa cán gỗ, cưa vòng cung mini, dao rọc giấy, kim băng, kim cắt dây, kim mũi nhọn, máy kiểm tra mạch, mỏ hàn, mỏ lết. Dụng cụ đạt tiêu chuẩn cách điện an toàn; Đóng gói trong túi/hộp/vali chuyên dụng;
14	Bộ dụng cụ và hộp sắt sửa chữa đường ống nước	Bộ	1	Bộ dụng cụ sửa chữa đa năng ≥ 100 chi tiết, gồm tối thiểu: 1 chìa vặn, 18 đầu tuýp lục giác, 1 Khớp nối, 2 đầu nối bugi, 1 thanh trượt T, 1 kềm cắt chéo, kềm mũi dài, 20 mũi tua vít Đóng gói trong túi/hộp/vali chuyên dụng;
15	Bộ dụng cụ thi công cáp quang	Bộ	2	Bộ dụng cụ thi công/sửa chữa cáp quang, gồm tối thiểu: thiết bị đo công suất quang (Optical Power Meter), bút soi quang (VFL), dao cắt sợi quang (cleaver), kìm tuốt vỏ sợi quang, kéo cắt Kevlar, dụng cụ vệ sinh đầu connector; Đựng trong túi/vali chuyên dụng;
16	Máy hàn quang	Cái	1	Máy hàn cáp quang công nghệ căn chỉnh lỗi Thời gian hàn ≤ 8 giây, thời gian gia nhiệt ≤ 15 giây; Suy hao mỗi hàn $\leq 0,02$ dB (SM); Hỗ trợ các loại sợi SM/MM/DS/NZDS; Màn hình hiển thị ≥ 4 inch; Pin hàn ≥ 200 mỗi/lần sạc; Kháng bụi/âm phù hợp môi trường công trường; Kèm phụ kiện đồng bộ: dao cắt, kìm tuốt, điện cực dự phòng, hộp đựng;
17	Dây nhảy quang SC duplex	Sợi	20	Dây nhảy quang (patch cord) Single-mode 9/125 μ m, loại lõi đôi - duplex (2 sợi/dây); Đầu nối 2 đầu chuẩn SC/UPC - SC/UPC; Đường kính dây 2.0mm hoặc 3.0mm; Vỏ chống cháy LSZH; Chiều dài 1-3m;

18	Khung gắn tủ rack cho bộ chuyển đổi quang - điện	Cái	2	Khung/chassis lắp media converter tiêu chuẩn gắn tủ rack 19 inch Số khe cắm card converter ≥ 14 khe (chassis dạng 1U-2U), hỗ trợ converter 10/100/1000Mbps; Tích hợp bộ nguồn dùng chung cho toàn bộ các converter cắm trên khung Hỗ trợ nguồn dự phòng kép (redundant power - 02 module nguồn)
19	Thẻ đồ họa cho máy chủ	Cái	2	Bộ nhớ $\geq 32\text{GB}$ GDDR7; Băng thông bộ nhớ $\geq 1.792\text{ GB/s}$; Hỗ trợ DLSS 4, kiến trúc Blackwell; Giao tiếp PCIe 5.0; Hỗ trợ tác vụ AI/nhận diện khuôn mặt;
20	Bộ nguồn máy chủ	Cái	2	Công suất $\geq 1200\text{W}$ Hiệu suất đạt chuẩn 80 Plus Platinum trở lên; Chuẩn ATX 3.x, hỗ trợ PCIe 5.0 Kiểu dây Full Modular;
21	Đèn pin	Chiếc	11	Đèn pin LED cầm tay siêu sáng; Công suất LED $\geq 20\text{W}$; Quang thông $\geq 1.800\text{ lumen}$; Tối thiểu 3 chế độ sáng (cao/trung bình/thấp), có chế độ nhấp nháy/SOS; Khoảng cách chiếu sáng $\geq 150\text{m}$; Dùng pin sạc, dung lượng $\geq 5.000\text{mAh}$, thời gian chiếu sáng liên tục $\geq 4\text{h}$; Vỏ hợp kim nhôm bền nhẹ; Kháng nước tối thiểu IPX4 (dùng được khi mưa); Bảo hành tối thiểu 12 tháng; Hàng mới 100%
22	Quạt công nghiệp	Cái	2	Quạt công nghiệp (quạt đứng/quạt sàn) công suất lớn; Đường kính cánh $\geq 65\text{ cm}$; Công suất $\geq 150\text{W}$; Tối thiểu 3 cấp độ gió; lưu lượng gió lớn; Khung/lồng thép sơn tĩnh điện chống gỉ, chân đế chắc chắn; Có chức năng tước-năng (xoay), điều chỉnh góc nghiêng;
23	Bàn văn phòng	Cái	6	Bàn làm việc nhân viên dạng chữ thẳng; Chân sắt hộp tối thiểu $40 \times 40 \times 1.1\text{mm}$ sơn tĩnh điện chống gỉ; Mặt bàn gỗ công nghiệp cốt MFC phủ Melamine chống xước, chống ẩm; Kích thước tối thiểu (R x S x C) $1400 \times 700 \times 750\text{mm}$;

24	Ghế lưới văn phòng	Cái	6	Ghế xoay nhân viên; Chân thép mạ Crom/Niken, xoay 360 độ, có bánh xe di chuyển; Cơ cấu nâng hạ điều chỉnh chiều cao (piston khí); Lưng và đệm ngồi bọc vải lưới/nỉ thoáng khí; Kích thước tối thiểu (RxSxC) W545 x D530 x H(910-1135) mm
25	Thang nhôm gấp đa năng 4 khúc	Cái	1	Thang nhôm gấp đa năng (gấp 4 khúc) chữ A; Chất liệu: hợp kim nhôm cao cấp, dày dặn, chống gỉ; Chiều dài tổng (duỗi thẳng) $\geq 3,0\text{m}$; chiều cao sử dụng dạng chữ A $\geq 1,4\text{m}$; Tải trọng tối đa $\geq 150\text{ kg}$; Chân thang bọc cao su chống trượt;
26	Tủ locker để đồ cá nhân	Cái	3	Tủ locker để đồ cá nhân, chất liệu thép sơn tĩnh điện chống gỉ; Số khoang ≥ 12 khoang, mỗi khoang có cánh mở và khóa riêng; Kích thước tối thiểu (RxSxC) khoảng 1200x350x1130mm; Có khe thông gió, chân đế chống ẩm;
27	Hộc tủ di động	Cái	10	Hộc tủ di động đặt dưới bàn làm việc; Chất liệu gỗ công nghiệp (cốt MFC/MDF phủ Melamine), màu kem/sáng; Kích thước tối thiểu (RxSxC) 400x480x612mm; Có khóa an toàn; bánh xe di chuyển;
28	Bảng trắng di động	Cái	1	Bảng trắng di động (có chân đế, xoay/di chuyển được); Kích thước bề mặt tối thiểu 1200 x 2400 mm; Mặt bảng thép sơn trắng chống lóa, viết bút lông, hít được nam châm; Khung nhôm chắc chắn, chân đế có bánh xe và khóa hãm;

II Phần mềm phục vụ quản lý				
1	Window 11 Pro	Giấy phép	120	Hệ điều hành Microsoft Windows 11 Pro 64-bit; License OEM/GGK hợp pháp, kích hoạt bản quyền vĩnh viễn;
2	CorelDRAW Graphics Suite	Giấy phép	2	Bộ phần mềm thiết kế đồ họa vector chuyên nghiệp, thuê bao 1 năm; CorelDRAW Graphics Suite (phiên bản 2024 trở lên) Hoặc tương đương về tính năng thiết kế vector
3	Adobe Photoshop	Giấy phép	2	Phần mềm chỉnh sửa ảnh chuyên nghiệp, thuê bao 1 năm; Adobe Photoshop (phiên bản CC mới nhất) Hoặc tương đương về tính năng chỉnh sửa ảnh raster/layer
4	FineReader PDF Corporate	Giấy phép	5	Phần mềm đọc và xử lý PDF; thuê bao 1 năm; ABBYY FineReader PDF Corporate (phiên bản 16 trở lên) Hoặc tương đương về tính năng OCR/PDF

5	Canva Pro	Giấy phép	5	Phần mềm thiết kế trực tuyến cộng tác nhóm, thuê bao 1 năm, Canva Pro (gói Team), Hoặc tương đương về tính năng thiết kế trực tuyến
6	Claude code Max	Giấy phép	1	Gói thuê bao công cụ trợ lý lập trình ; thuê bao 1 năm, AI Claude Code (gói Max - Anthropic) Hoặc tương đương về tính năng trợ lý lập trình AI
7	Phần mềm dự toán G8	Giấy phép	1	Phần mềm lập dự toán - quyết toán công trình xây dựng; Phiên bản Quyết toán G8 Settlement version 2026 (bản đầy đủ) hoặc tương đương về tính năng;
8	Phần mềm dự toán ETA	Giấy phép	1	Phần mềm lập dự toán công trình xây dựng (bản quyền Eta); Bản license tự động cập nhật phiên bản, định mức, đơn giá hàng năm (online);
9	Phần mềm dự toán ETA	Giấy phép	1	Phần mềm lập dự toán công trình xây dựng (bản quyền Eta); Bản quyền sử dụng khóa cứng (USB dongle) - dùng vĩnh viễn theo thiết bị khóa;
10	Chat GPT Plus	Giấy phép	11	Tài khoản trợ lý AI (mô hình ngôn ngữ lớn) bản trả phí - Plus hoặc Pro; Thuê bao theo 1 năm, theo tài khoản người dùng; Hỗ trợ truy cập mô hình AI tiên tiến phục vụ soạn thảo, tổng hợp, hỗ trợ công việc;
11	Phần mềm Primavera	Gói	1	Gói triển khai giải pháp Oracle's Primavera P6 EPPM, bao gồm: 1) Bản quyền phần mềm Primavera P6 EPPM - Application User – Perpetual License (vĩnh viễn); 2) Hỗ trợ cập nhật phần mềm trong năm đầu tiên (First Year Software Update License & Support); 3) Cài đặt & Triển khai Primavera P6 EPPM trên Server (Web-Based - không giới hạn người dùng); 4) Đào tạo quản trị EPPM cho bộ phận IT; 5) Bảo trì vận hành trong 1 năm đầu; 6) Khóa đào tạo "Ứng dụng Primavera P6 trong QLDA" cho 20 người (4 ngày, 8 buổi); - Lý thuyết kết hợp thực hành trên phần mềm - Tài liệu: Lý thuyết + Hướng dẫn thực hành (Softcopy & Hardcopy) - Chứng chỉ: "Primavera P6 Application in Project Management" do Primavera VN cấp;
III Các thiết bị điện tử (Cho phòng họp, phòng học thông minh, phòng làm việc,...)				
1	Máy tính để bàn phục vụ trình chiếu	Bộ	5	Máy tính để bàn phục vụ trình chiếu; CPU AMD Ryzen 7 hoặc tương đương có xung nhịp boost $\geq$ 5.0 GHz, tổng bộ nhớ cache $\geq$ 96 MB, RAM $\geq$ 16GB DDR5; Ổ cứng SSD $\geq$ 512GB NVMe; Hệ điều hành Windows 11 Pro bản quyền;

2	Bộ bàn phím và chuột không dây cho phòng họp, phòng đào tạo	Bộ	5	Bộ bàn phím và chuột không dây; Kết nối Bluetooth và/hoặc USB receiver 2.4GHz; Bàn phím bố cục đầy đủ (full-size), chuột quang DPI điều chỉnh; Dùng pin sạc hoặc pin rời; Bảo hành tối thiểu 12 tháng; Hàng chính hãng, mới 100%
3	Máy scan tài liệu công nghiệp	Cái	1	Máy scan tài liệu công nghiệp tốc độ cao, nạp giấy tự động (ADF); Tốc độ quét ≥ 90 trang/phút (ppm) và ≥ 180 mặt/phút (ipm) ở chế độ đen trắng/màu, độ phân giải 200/300 dpi; Khay nạp tài liệu tự động (ADF) ≥ 300 tờ; Quét 2 mặt (duplex) một lần chạy; có siêu âm phát hiện kẹt/chồng giấy (ultrasonic); Độ phân giải quang học ≥ 600 dpi; Năng suất quét khuyến nghị (duty cycle) ≥ 30.000 trang/ngày;
4	Máy in A4	Chiếc	2	Loại máy: Máy in laser đen trắng đơn năng khổ A4 Tốc độ in A4: ≥ 38 trang/phút Độ phân giải in: $\geq 1.200 \times 1.200$ dpi In đảo mặt tự động (Duplex): Có Loại mực sử dụng: Cartridge 057
5	Thiết bị wifi	Cái	15	Bộ phát Wi-Fi (Access Point) chuẩn Wi-Fi 6 (802.11ax) trở lên; Băng tần kép 2.4GHz và 5GHz (dual-band); Cấp nguồn qua PoE (chuẩn 802.3af/at); Lắp đặt trong nhà (indoor), gắn trần/tường; Hỗ trợ quản lý tập trung qua controller/cloud;



6	Hệ thống mic và loa cho phòng họp số 1	Hệ thống	1	Hệ thống âm thanh đồng bộ cho phòng họp số 1, lắp đặt và đấu nối hoàn chỉnh với hệ thống hiện hữu, bao gồm tối thiểu các thành phần sau: 1) Loa treo tường: số lượng ≥ 06 loa, công suất phù hợp diện tích phòng ($\geq 30W/\text{loa}$), dải tần đáp ứng 80Hz-20kHz, kiểu treo tường, đồng bộ thẩm mỹ; 2) Âm ly (Amplifier/Mixer-Amplifier): công suất $\geq 2 \times 120W$, tối thiểu 4 đường vào mic/line, có chỉnh âm sắc (bass/treble), bảo vệ quá tải/ngắn mạch, tương thích với loa nêu trên; 3) Micro để bàn có dây: số lượng ≥ 24 chiếc, kiểu để bàn, có nút bật/tắt, chống hú/lọc nhiễu, đầu nối tiêu chuẩn (XLR/3.5/Phoenix) tương thích bộ trộn; 4) Thiết bị họp trực tuyến (kèm bản quyền/license) hoặc giải pháp tương đương, 5) Thiết bị đặt lịch họp để bàn (room scheduling/booking panel): màn hình cảm ứng ≥ 10 inch, hiển thị/đặt lịch phòng, đèn báo trạng thái trống/bận, kết nối LAN/Wi-Fi, cấp nguồn PoE; 6) Thiết bị hiển thị lịch họp treo tường: màn hình hiển thị lịch họp gắn tường, đồng bộ với hệ thống đặt lịch; 7) Vật tư phụ, dây tín hiệu, giá đỡ, công lắp đặt - cấu hình - đấu nối - chạy thử và đào tạo sử dụng;
---	--	----------	---	--

